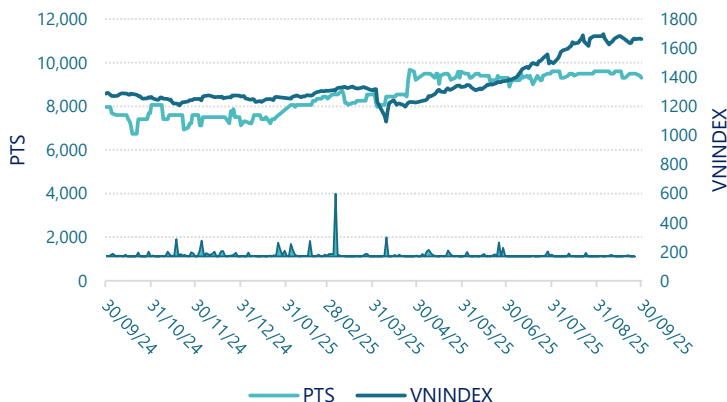




CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (HNX: PTS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,680
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,738
SL cổ phiếu LH	5,568,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,095
% sở hữu nước ngoài	7.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	52
P/E	3.5
EPS	2,689

DT thuần

Q3/25

91.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.60 | 11.8%

YoY: ▲ 1.80 | 2.0%

LN sau thuế

Q3/25

6.44

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.19 | 415%

YoY: ▲ 5.36 | 496%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

9.9%

+/- YoY: ▲ 6.9%

DT thuần

9T 2025

267

tỷ VNĐ

YoY: ▼12.0 | -4.3%

LN sau thuế

9T 2025

13.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.1 | 581%

ROE

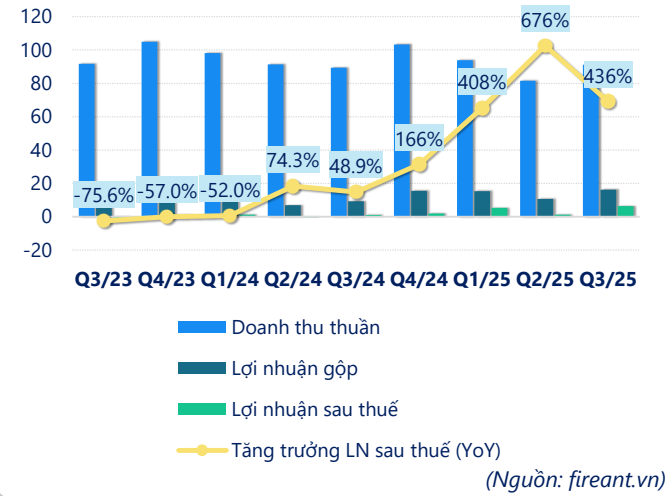
Q3/25

14.8%

+/- YoY: ▲ 11.5%

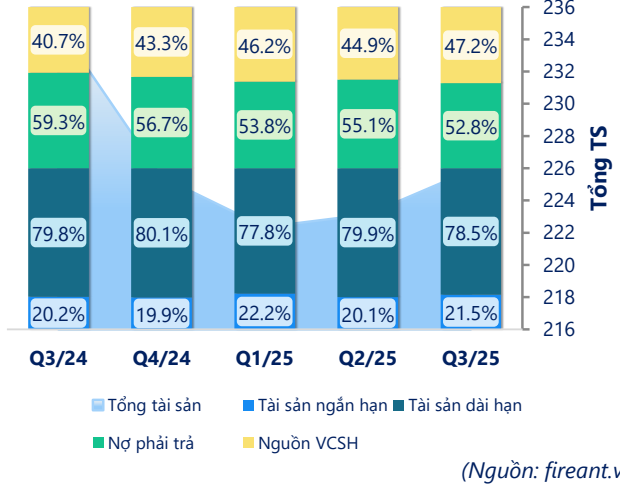
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

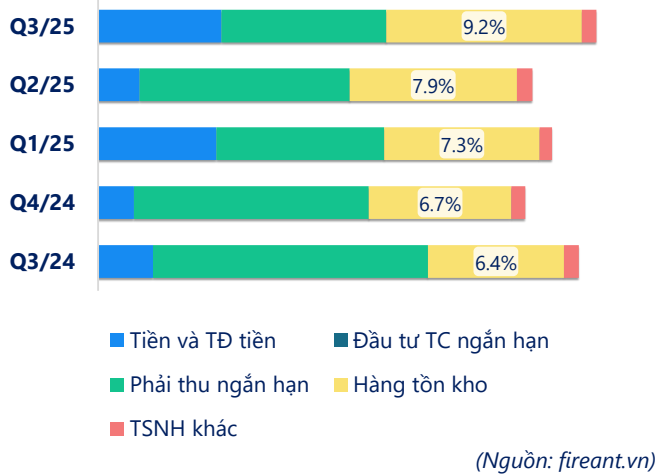


Cơ cấu Tổng tài sản

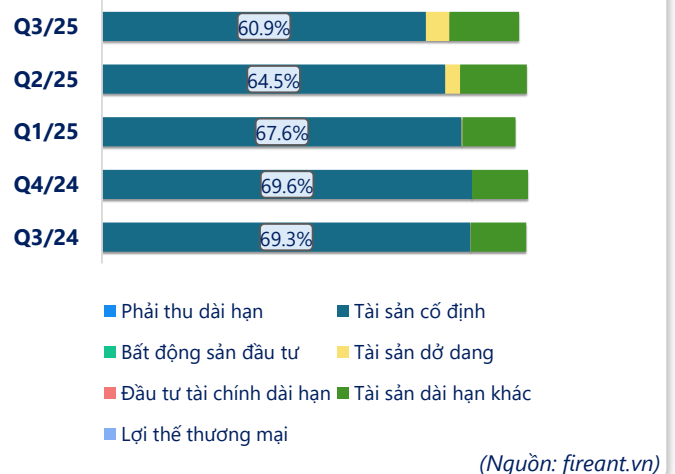
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

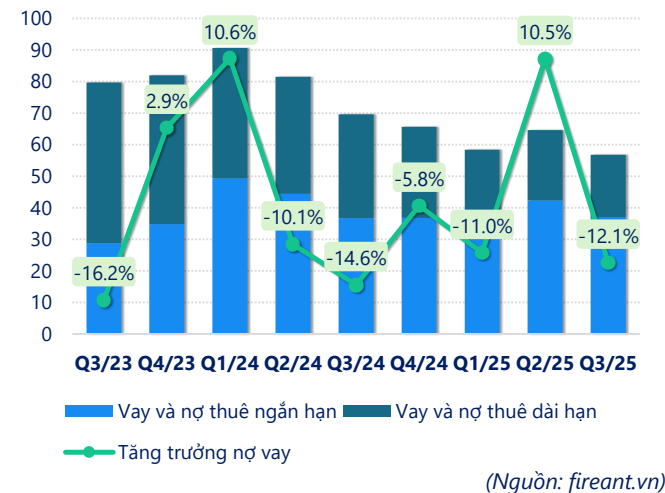


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



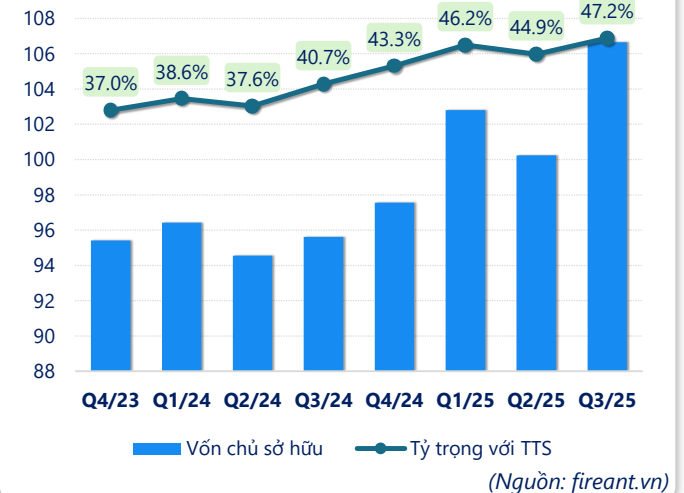
tỷ VNĐ

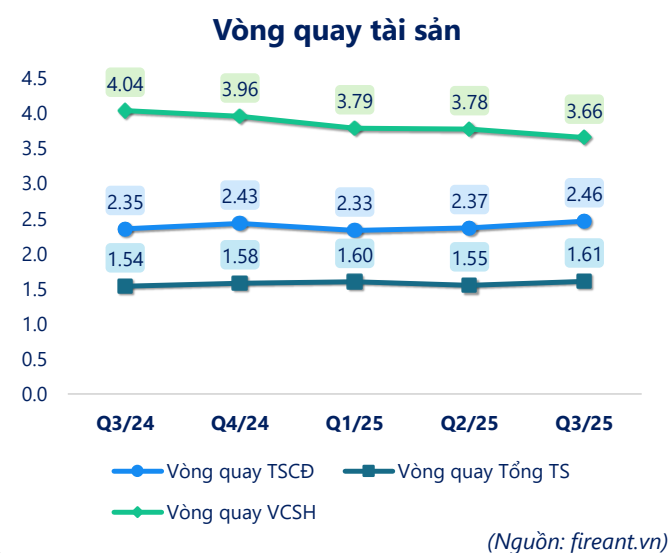
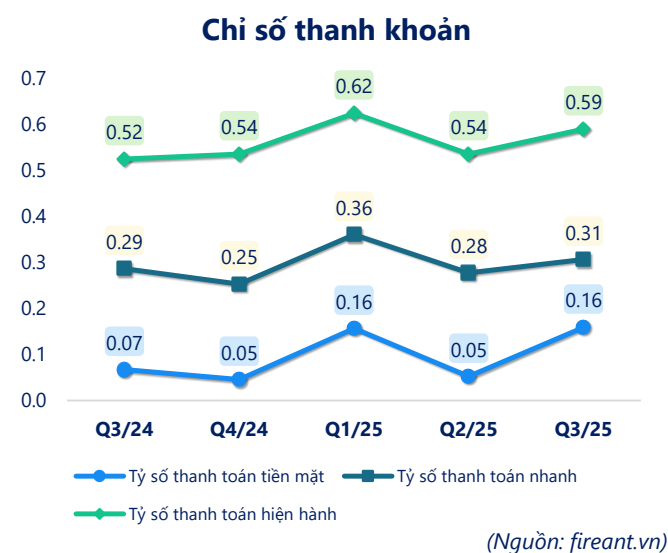
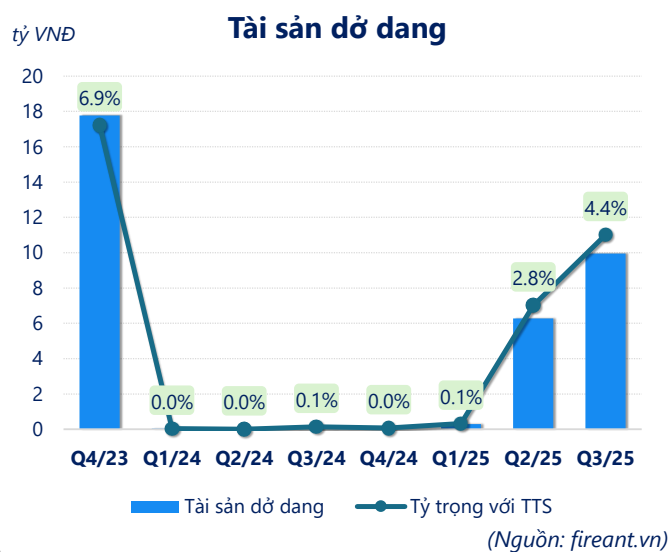
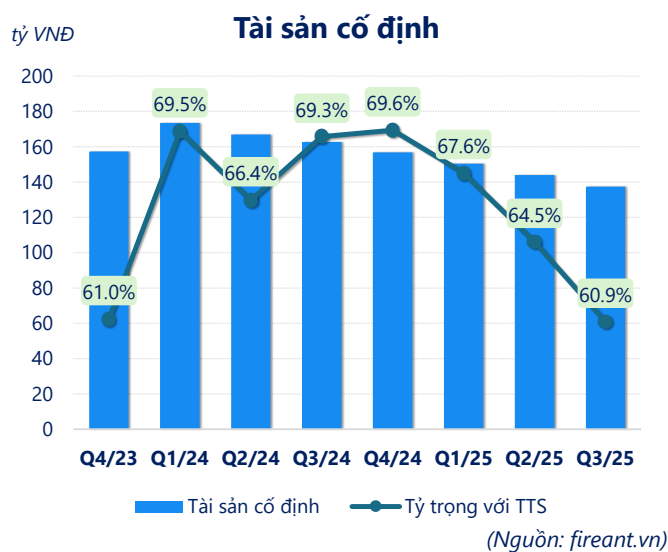
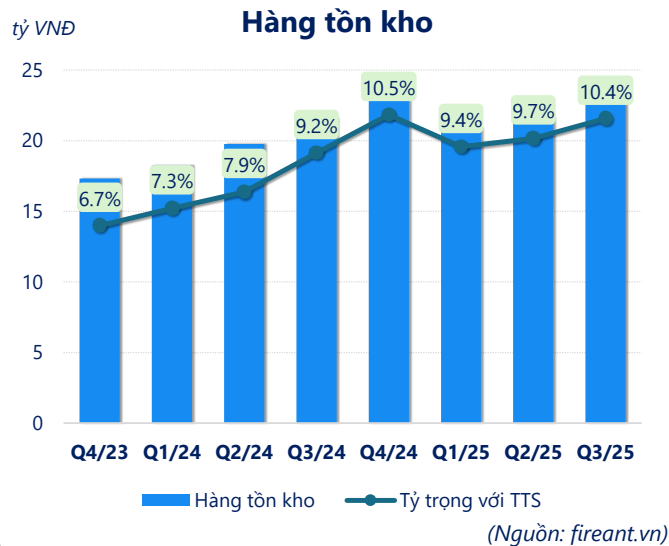
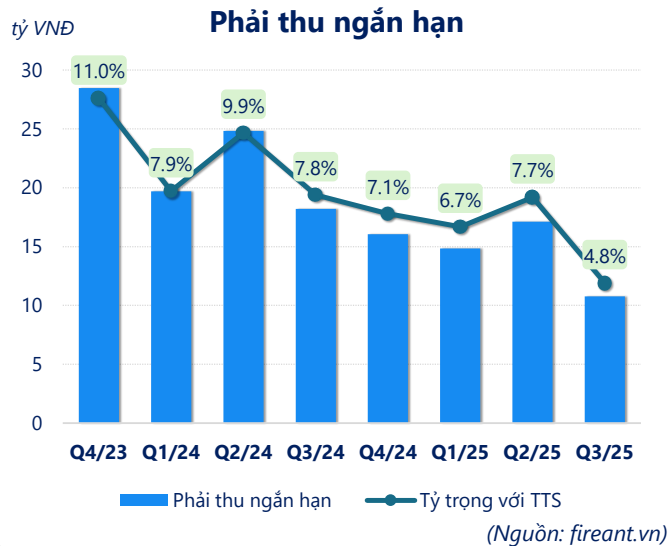
Nợ vay



tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	235	225	222	223	226
Tài sản ngắn hạn	47.4	44.8	49.4	44.8	48.7
Tiền và tương đương tiền	6.06	3.81	12.4	4.36	13.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	18.2	16.0	14.8	17.1	10.8
Hàng tồn kho	21.6	23.6	20.9	21.6	23.4
Tài sản ngắn hạn khác	1.62	1.29	1.29	1.75	1.42
Tài sản dài hạn	187	181	173	178	177
Phải thu dài hạn	0.10	0.10	0.10	0.09	0.09
Tài sản cố định	163	157	150	144	137
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.14	0.06	0.29	6.27	9.95
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	24.5	23.7	22.2	28.0	29.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	139	128	120	123	119
Nợ ngắn hạn	90.4	83.6	79.1	83.7	82.5
Vay và nợ thuê ngắn hạn	36.7	36.8	33.7	42.4	37.1
Phải trả người bán ngắn hạn	34.6	32.4	31.1	25.6	27.0
Nợ dài hạn	48.8	44.3	40.4	39.2	36.7
Vay và nợ thuê dài hạn	33.0	28.8	24.7	22.2	19.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	95.6	97.6	103	100	107
Vốn chủ sở hữu	95.6	97.6	103	100	107
Vốn điều lệ	55.7	55.7	55.7	55.7	55.7
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)